

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2019.

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Công Nhận** và bà **Nguyễn Thị Bình**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05/6/2019 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-DS, ngày 08/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 24/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Đình Đ**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Anh **Nguyễn Đình Q**, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn bà H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Đ đã được triệu tập hợp lệ, hợp pháp lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; Người làm chứng anh Quân có lời khai đề nghị đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H và ông Nguyễn Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/9/1987. Khi về chung sống được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, bà H về làm dâu con gia đình ông Đ. Quá trình chung sống bà H và ông Đ chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 1995 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do hai

bên bắt đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không bảo ban nhau được trong cuộc sống thường ngày cũng như việc phát triển kinh tế gia đình, hai bên không còn tin tưởng, tôn trọng nhau và xảy ra cãi vã, ông Đ thường xuyên đánh, đuổi bà H ra khỏi nhà. Khi vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình, chính quyền địa phương động viên, hòa giải nhưng không thành, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Bà H xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Đình Đ.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đình Đ trình bày: Ông Đ và bà H kết hôn với nhau trên cơ sở pháp luật, được UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào năm 1987, khi về chung sống, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Ông Đ xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bắt đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không bảo ban nhau được trong cuộc sống đời thường cũng như việc phát triển kinh tế gia đình, bà H cư xử không đúng mực. Do tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà H xin ly hôn, ông Đ đồng ý.

Về con chung: Bà H, ông Đ xác định vợ chồng có hai con là anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1988, chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990, hiện tại đã đủ 18 tuổi, có công việc, gia đình riêng. Ly hôn bà H, ông Đ tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Bà H, ông Đ tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu ghi nhận.

Người làm chứng anh Nguyễn Đình Q (là con của đương sự) xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng giữa bà H, ông Đ không còn, đã sống ly thân đến nay là 20 năm. Anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho các bên đương sự được ly hôn.

Tại phiên tòa đương sự đều vắng mặt. Tại Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt bà H giữ nguyên quan điểm được ly hôn với ông Đ, ngoài nội dung trên bà H không đề nghị Tòa án giải quyết thêm nội dung nào khác. Ông Đ được Tòa án tổng đạt, giao các văn bản tố tụng hợp lệ, hợp pháp lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt và gửi các văn bản tố tụng cũng như thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng khác đã đảm bảo đúng các nguyên tắc và thủ tục tố tụng. Bà H chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Ông Đ không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng các Điều 55, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H. Xử, bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Nguyễn Đình Đ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định.

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ: Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình với ông Nguyễn Đình Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Đình Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương vào năm 1987 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà H, ông Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không bảo ban nhau được trong cuộc sống thường ngày cũng như việc phát triển kinh tế gia đình, đời sống tình cảm vợ chồng không hòa thuận, ông Đ không tin tưởng bà H, còn bà H với bốn phận, trách nhiệm của người vợ nhưng lại cư xử không đúng mực, không thông cảm, chia sẻ với ông Đ. Hiện tại các đương sự sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Xác minh với chính quyền thôn C, đoàn thể, UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương và người thân trong gia đình của đương sự đều xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để các bên đương sự gặp gỡ, trao đổi, hòa giải nhưng không thành do chính các bên đương sự không có thiện chí về đoàn tụ hôn nhân và từ chối hòa giải, điều này chứng tỏ các bên đương sự không tha thiết tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân, đoàn tụ vợ chồng. Từ những căn cứ như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà Hoa và quan điểm đề nghị của đại diện VKSND huyện T, tỉnh Hải

Dương. Xử cho bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Nguyễn Đình Đ là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình Đ hai con là anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1988, chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990 hiện tại đủ 18 tuổi, có công việc, gia đình riêng. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình Đ tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử, bà **Nguyễn Thị H** ly hôn ông **Nguyễn Đình Đ**.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000459, ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã V, huyện T (đăng ký số 31, ngày 26/9/1987, để lưu & vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Mạnh Tuấn